**TUẦN 6**

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**Bài 12: BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9 (T3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Sử dụng được bảng nhân, bảng chia để tính được các phép tính nhận, chia trong bảng đã học.

+ Củng cố các phép nhân, chia trong bảng vào giải một số bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Sử dụng được bảng nhân, bảng chia để tính được các phép tính nhận, chia trong bảng đã học.  + Củng cố các phép nhân, chia trong bảng vào giải một số bài tập, bài toán thực tế có liên quan. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 34 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 34 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Dựa vào bảng nhân, chia hãy tính: (VBT tr.34)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *=>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, chia đã học vào làm bài tập* | - Học sinh trả lời: 9 x 5 = 45. Vì em dựa vào bảng nhân 9 để tính kết quả.  - HS nối tiếp trả lời  b) 6 x 4 = 24  c) 72 : 9 = 8  d) 42 : 6 = 7  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Số? (VBT/34)**  - GV tổ chức chơi trò chơi. 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 3 bạn. Đội nào điền kết quả nhanh và đúng sẽ giành chiến thắng.  - GV nhận xét trò chơi, sửa đáp án và tuyên dương đội chơi thắng.  - GV tổ chức câu b) tương tự, thay đổi đối tượng tham gia tạo sự phấn khởi cho HS cả lớp.  *=>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, chia đã học vào làm bài tập* | - HS lắng nghe cách tham gia trò chơi  - HS tham gia chơi  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV. |
| **\* Bài 3: VBT/34**  ***a) Mỗi đội múa rồng có 9 người. Hỏi 3 đội múa rồng như vậy có bao nhiêu người?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Muốn biết 3 đội múa rồng có bao nhiêu người thì phải làm sao?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  ***b) Nếu tất cả số người múa rồng ở câu a chuyển sang múa lân, mỗi đội có 3 người thì có được bao nhiêu đội múa lân?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  + Bạn nào biết được đội múa lân có bao nhiêu người?  + Vậy muốn tìm có bao nhiêu đội ta làm sao?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *=>Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán thực tế.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Lấy số người 1 đội nhân với 3.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Số người 3 đội múa rồng có là:  9 x 3 = 27 (người)  Đáp số: 27 người  - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - 27 người (vì đội múa rồng có 27 người chuyển sang múa lân)  - Lấy số người của đội có được chia cho số người của 1 đội.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Số đội múa lân có là:  27 : 3 = 9 (đội)  Đáp số: 9 đội |
| **\* Bài 4: VBT/34.**  - GV yêu cầu HS nêu bài toán  - Bài toán này có mấy yêu cầu?  + Nêu các số bé hơn 5?  + Theo em trong các số vừa nêu đó 2 số nào chia nhau có thương là 2?  - Yêu cầu 2 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách vận dụng bảng nhân, bảng chia vào bài toán thực tế.* | - HS nêu  - 2 yêu cầu. Đó là: thứ nhât là tìm số bé hơn 5, thứ 2 là 2 số bé hơn 5 đó chia nhau có kết quả là 5.  - 0,1,2,3,4  - 4 và 2, 2 và 1  Bài giải:  Các số bé hơn 5 là: 0,1,2,3,4  Hai số bé hơn 5 và có thương là 2 là: 4 và 2 vì 4 : 2 = 2  (tương tự bài làm của 2 số 2 và 1) |
| **3. Vận dụng**  - GV tổ chức HS trò chơi: “Đố bạn”  - GV nêu cách chơi: một bạn đứng lên nêu 1 phép tính và kết quả phép tính đó. Sau đó sẽ nêu 1 phép tính (trong phạm vi bảng nhân, chia đã học) và đố bạn mình kết quả phép tính đó. Bạn được gọi tên sẽ trả lời kết quả phép tính và nêu phép tính mới để đố bạn. Tương tự như vậy cho đến hết thời gian quy định của trò chơi.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe  - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**Bài 13: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA**

**Tiết 1: Tìm thừa số trong một tích**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết cách tìm và tìm được thừa số trong một tích.

+ Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Biết cách tìm và tìm được thừa số trong một tích.  + Vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 35 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 35 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Số? (VBT tr.35)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  a) … x 4 = 12  b) … x 8 = 40  c) … x 9 = 45  - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *=>Gv chốt cách tìm thừa số trong một tích.* | - Học sinh trả lời: 3 x 4 = 12. Vì muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.  Ta lấy: 12 : 4 = 3  - HS nối tiếp trả lời  b) 5 x 8 = 40 vì 40: 8 = 5  c) 5 x 9 = 45 vì 45 : 8 = 5  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Số? (VBT/35)**  - GV tổ chức chơi trò chơi. 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 4 bạn. Đội nào điền kết quả nhanh và đúng sẽ giành chiến thắng.  - GV nhận xét trò chơi, sửa đáp án và tuyên dương đội chơi thắng.  *=> Gv chốt cách tìm thừa số trong một tích.* | - HS lắng nghe cách tham gia trò chơi  - HS tham gia chơi  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 3: Nối (theo mẫu) VBT/35**  - Vì sao thừa số cần tìm ở phép tính thứ 1 là 4  - Tương tự các câu còn lại các bạn sẽ lên nối kết quả và giải thích cách làm.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn  *=> Gv chốt cách tìm thừa số trong một tích*  *.* | - Vì muốn tìm thừa số chưa biết lấy tích chia cho thừa số đã biết. Ta có: 24 : 6 = 4  - Hs trình bày bài làm của mình. |
| **\* Bài 4: VBT/35**  ***Có 6 can nước mắm như nhau chứa được tất cả 54l nước mắm. Hỏi mỗi can đó chứa được bao nhiêu lít nước mắm?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Muốn biết mỗi can có bao nhiêu lít nước mắm thì phải làm sao?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Lấy số lít mắm có chia cho 6 can.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Số lít nước mắm 1 can chứa là:  54 : 6 = 9 (lít)  Đáp số: 9l |
| **3. Vận dụng**  - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”  - GV nêu cách chơi: GV sẽ chia lớp thành 4 đội (tổ), GV nêu phép tính, Hs nêu kết quả. Sau 7 lượt chơi, đội nào có kết quả đúng nhiều nhất và nhanh là đội chiến thắng.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe  - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**Bài 13: TÌM THÀNH PHẦN TRONG PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA**

**Tiết 2: Tìm số bị chia, số chia**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Biết cách tìm số bị chia, số chia trong phép chia.

+ Vận dụng vào bài tập, bài toán thực tế có liên quan.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Biết cách tìm số bị chia, số chia trong phép chia.  + Vận dụng vào bài tập, bài toán thực tế có liên quan. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 36 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 36 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Số? (VBT tr.36)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - Tương tự HS nêu kết quả các bài còn lại  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *=>Gv chốt cách tìm số bị chia, số chia.* | - Học sinh trả lời:  a)36 : 4 = 9. Vì muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia. Ta lấy: 9 x 4 = 36  - HS nối tiếp trả lời các bài câu a)  b) 18 : 9 = 2. Vì muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương. Ta lấy: 18 : 2 = 9  - HS nối tiếp trả lời các bài câu a)  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Số? (VBT/36)**  - GV tổ chức chơi trò chơi. 2 đội tham gia chơi, mỗi đội 4 bạn. Đội nào điền kết quả nhanh và đúng sẽ giành chiến thắng.  - GV nhận xét trò chơi, sửa đáp án và tuyên dương đội chơi thắng.  *=> Gv chốt cách tìm số bị chia, số chia..* | - HS lắng nghe cách tham gia trò chơi  - HS tham gia chơi  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 3: Nối (theo mẫu) VBT/36**  ***Có 30 khách du lịch đi tham quan trên các thuyền. Biết rằng mỗi thuyền có 6 khách du lịch. Hỏi có mấy thuyền chở khách du lịch như vậy?***  - GV yêu cầu 2 HS xác định dữ kiện bài toán.  - Muốn biết có mấy thuyền chở hết 30 khách du lịch thì phải làm sao?  - Yêu cầu 1 HS trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.* | - 2 HS xác định bài toán cho biết và bài toán hỏi.  - Lấy số khách du lịch chia cho số khách trên 1 thuyền chở được.  - Lớp quan sát, nhận xét  Bài giải:  Số thuyền chở khách du lịch là:  30 : 6 = 5 (thuyền)  Đáp số: 5 thuyền |
| **\* Bài 4: VBT/36**  - GV yêu cầu Hs đọc đề toán.  - Xác định đặc điểm các số bài toán cho.  - Theo em muốn lập được phép nhân thì ta sẽ làm như thế nào?  - Còn lập phép chia thì sao?  - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2, đại diện nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách vận dụng giải các bài tập, bài toán thực tế có liên quan.* | - HS đọc  - Có 2 số có 2 chữ số: 35 và 24; có 3 số có 1 chữ số: 3,7,5  - Lấy 2 số có 1 chữ số nhân với nhau, nhẩm được kết quả thích hợp với yêu cầu của bài toán (số có 2 chữ số)  - Lấy số có 2 chữ số lần lượt chia cho số có 1 chữ số để có kết quả thích hợp với số bài toán cho.  - phép nhân: 7x5=35; 5x7=35  - phép chia: 35:5=7; 35;7=5 |
| **3. Vận dụng**  - GV tổ chức HS trò chơi: “Ai nhanh hơn”  - GV nêu cách chơi: Chia 2 đội, mỗi thành viên trong đội nối tiếp điền kết quả vào ô trống.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe  - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**Bài 14: MỘT PHẦN MẤY**

**Tiết 1: Một phần mấy**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Củng cố kiến thức “biểu tượng” về của một hình.

+ Nhận biết được thông qua các hình ảnh trực quan.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Củng cố kiến thức “biểu tượng” về của một hình.  + Nhận biết được thông qua các hình ảnh trực quan. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 37 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 37 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Đ, S? (VBT tr.37)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *=> Gv chốt cách xác định thông qua các hình ảnh trực quan.* | - Học sinh trả lời cá nhân  a) Đúng vì hình tròn chia làm 5 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  b) Đúng vì hình tròn chia làm 6 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  c) Sai vì hình tròn chia làm 2 phần không bằng nhau  d) Đúng vì hình tròn chia làm 3 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Nối? (VBT/37)**  - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách viết* | - HS nêu kết quả  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 3: (VBT/38)**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Vì sao em chọn hình 1?  - Hình 2 được tô màu mấy phần?  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách xác định thông qua các hình ảnh trực quan.* | - HS nêu hình 1  - Hình 1 chia số chấm tròn bằng 3 phần bằng nhau và tô màu 1 phần nên số hình tròn được tô màu là  - Hình 2 chia số chấm tròn bằng 4 phần bằng nhau và tô màu 1 phần nên số hình tròn được tô màu là  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 4: VBT/38**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Giải thích cách làm của mình  **-** GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: vì 5 hình này có kích thước giống nhau nên mình có thể chọn bất kì hình nào để tô màu.  *=> Gv chốt cách xác định thông qua các hình ảnh trực quan.* | - HS trình bày  - Có 5 hình vuông (hình tròn), tô màu của hình là tô màu 1 hình.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng**  - GV tổ chức HS trò chơi: “Tinh mắt”  - GV nêu cách chơi: Chia 2 đội, mỗi thành viên trong đội nối tiếp điền kết quả Đúng hay Sai vào ô trống.  - GV nhận xét, tuyên dương các bạn chơi  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS nghe  - HS tham gia chơi    - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**CHỦ ĐỀ 2: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA**

**Bài 14: MỘT PHẦN MẤY**

**Tiết 1: Một phần mấy**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Củng cố kiến thức “biểu tượng” về của một hình.

+ Nhận biết được thông qua các hình ảnh trực quan.

+ Xác định được của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Củng cố kiến thức “biểu tượng” về của một hình.  + Nhận biết được thông qua các hình ảnh trực quan.  + Xác định được của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 38, 39 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 38, 39, 40 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Đ, S? (VBT tr.38, 39)**  - Cho HS quan sát và nêu kết quả bài tập  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *=> Gv chốt cách xác định thông qua các hình ảnh trực quan.* | - Học sinh trả lời cá nhân  a) Đúng vì hình chia làm 8 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  b) Sai vì hình chia làm 6 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  c) Đúng vì hình chia làm 9 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  d) Đúng vì hình tròn chia làm 7 phần bằng nhau và tô màu 1 phần  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng (VBT/39)**  **a) Đã tô màu**  **hình nào?**  - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - GV nhận xét, tuyên dương  **b) Đã tô màu**  **hình nào?**  - GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - GV nhận xét, tuyên dương  *=> Gv chốt cách xác định thông qua các hình ảnh trực quan.* | - HS nêu kết quả C và giải thích cách thực hiện.  - HS nhận xét  - HS nêu kết quả D và giải thích cách thực hiện.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **Bài 3: Tô màu mỗi hình sau (VBT/38)**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Giải thích cách làm của mình  **-** GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: vì 8 hình nhỏ này có kích thước giống nhau nên mình có thể chọn bất kì hình nào để tô màu.  *=> Gv chốt cách xác định thông qua các hình ảnh trực quan.* | - HS trình bày  - mỗi câu a, b đều có hình lớn chia làm 8 hình nhỏ bằng nhau, vậy tô màu của hình là tô màu 1 hình nhỏ  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 4: VBT/40**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Giải thích cách làm của mình  **-** GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: để xác định một phần mấy của một hình, ta cần xác định hình lớn đó được chia ra mấy phần bằng nhau và được tô màu (chọn) 1 phần.  *=> Gv chốt cách xác định được của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.* | - HS trình bày câu b)  - Câu b) có hình chữ nhật lớn chia ra 5 phần bằng nhua và tô màu của hình đó.  - HS lắng nghe |
| **\* Bài 5: VBT/40**  **a) Tô màu**  **số con cá rồi viết số thích hợp vào ô trống?**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Giải thích cách làm của mình  **a) Tô màu**  **số bông hoa rồi viết số thích hợp vào ô trống?**  **-**  GV yêu cầu Hs nêu bài làm của mình  - Giải thích cách làm của mình  **-** GV nhận xét, tuyên dương và lưu ý: để xác định một phần mấy của một hình, ta cần xác định hình lớn đó được chia ra mấy phần bằng nhau và được tô màu (chọn) 1 phần.  *=> Gv chốt cách xác định được của một nhóm đồ vật bằng việc chia thành các phần khác nhau.* | - số con cá là 3 con cá  - Có tất cả 6 con cá, chia làm 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 con cá.  - số bông hoa là 3 con cá  - Có tất cả 12 bông hoa, chia làm 4 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 bông hoa.  - HS lắng nghe |
| **3. Vận dụng**  - Muốn tìm một phần mấy của 1 hình ta làm như thế nào?  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS trả lời  - HS lắng nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |